| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TP. Hà Nội**<br>**----------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST<br>*Ngày: 18/4/2018*<br>*V/v tranh chấp: Ly hôn* | **NHÂN DANH**<br>**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn MậuTrường***

***Các Hội thẩm nhân dân***: ***1/*** Ông ***Nguyễn Đức Lưu***
***2/*** Bà ***Ngô Thị Yêm***

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:***
Bà ***Nguyễn Hải Yến*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:*** Bà ***Nguyễn Thị Việt Hà*** - Kiểm sát viên**.**

Ngày 18/4/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2018/TLST - HNGĐ ngày 01/12/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị ***Nguyễn Ngọc H*** - sinh năm: 1995.
Trú tại: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh ***Đặng Mạnh H*** - sinh năm: 1984.
Trú tại: Xóm H, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Chị H.
Vắng mặt: Anh H.

## NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:**

Chị H kết hôn với anh H ngày 12/11/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống. Sau khi cưới chị H về chung sống cùng anh H trên nhà đất ở của gia đình anh H có từ trước ở xóm H, U, Đ, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi thường về khuya và đặc biệt là do anh H nghiện ma tuý. Mặc dù chị H và gia đình đã động viên anh H đã đi cai nghiện tự nguyện nhưng sau khi cai nghiện anh H lại tái nghiện. Mặc dù đã được chị H và gia đình tiếp tục khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi. Do vậy, từ khoảng tháng 10/2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tổ 8 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố

Hà Nội. Hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, có trách nhiệm gì với nhau từ đó đến nay.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn anh H.

- **Về con chung:** Vợ chồng không có con chung.
- **Về tài sản chung:** Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung.
- **Về nợ chung:** Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung.
- **Về công sức:** Chị H xác định không có.

**Bị đơn:** Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Anh H không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được. Do vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên anh H đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự và bị đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án trong suốt quá trình tố tụng.

Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đi đến kết luận và đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H: Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn anh Đặng Mạnh H.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng cũng như tại lần mở phiên tòa và mở lại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp Tòa án phải hoãn phiên tòa. Theo quy định tại Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hỏi nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do sự vắng mặt của bị đơn. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

**Về nội dung:**

***Về yêu cầu ly hôn của chị H:***

Đánh giá chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn giữa chị H với anh H (bút lục 05); Bản tự khai của chị H (bút lục 26); Biên xác minh tại địa phương (bút

lục 31, 32); Biên bản ghi ý kiến của người làm chứng (bút lục số 29, 30); Hội đồng xét xử nhận định: Chị H kết hôn với anh Hồng ngày 12/11/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp.

Anh, chị chung sống đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi thường về khuya và đặc biệt là do anh H nghiện ma tuý. Mặc dù anh H đã đi cai nghiện nhưng sau khi cai nghiện lại tái nghiện dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 10/2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tổ 8 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, có trách nhiệm gì với nhau từ đó đến nay.

Xét thấy, để có được hạnh phúc trong hôn nhân phải dựa trên cơ sở của lòng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong đời sống hôn nhân của chị H đối với anh H thì không được như vậy, thực tế trong hôn nhân do anh H vi phạm nghĩa vụ vợ chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên đã ly thân từ tháng 10/2017, vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ sống chung với nhau. Hai bên không còn tình nghĩa vợ, chồng.

Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Như đã đánh giá, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây khó khăn cho nhau. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần được Hội đồng xét xử chấp nhận để chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa hai bên, giải phóng cho nhau sớm ổn định cuộc sống.

***2. Về con chung:*** Xác định vợ, chồng anh, chị không có con chung.

***3. Về tài sản:*** Chị H xác định không có tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không chấp hành việc Tòa án triệu tập, không gửi văn bản trả lời Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị H, Tòa án không lấy được lời khai của anh H nên không có cơ sở xác định về tài sản chung và yêu cầu của bị đơn. Do vậy, Tòa án giành quyền cho anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản bằng vụ kiện khác.

**- Về án phí ly hôn sơ thẩm:**

Xác định án phí trong vụ án do Tòa án không giải quyết về tài sản nên về án phí nguyên đơn chỉ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ quy định tại Điều 18, 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Mức án phí chị H phải chịu là: 300.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Với tư cách người khởi kiện chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AB/2015/0000989 ngày 25/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Số tiền này được đối trừ với số tiền án phí chị H phải nộp.

Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ:**

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 203; Điều 227, 241, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 18, 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H: Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn anh Đặng Mạnh H.

**2.** Về con chung: Xác định anh, chị không có con chung.

**3.** Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**4.** Anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện khác.

**5.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị H phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AB/2015/0000989 ngày 25/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

**<u>Nơi nhận</u>**:
*- Các đương sự*
*- VKSND huyện Đ.*
*- Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Mậu Trường***